

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÁI HÒA VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
TẠI NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2013**

# MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
	<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>	1 – 2
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	3
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</i>	4-5
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất</i>	6-20



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1,226,706,672,496</b>	<b>1,191,562,814,135</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>5,337,515,476</b>	<b>3,290,341,934</b>
1. Tiền	111	V.01	5,337,515,476	3,290,341,934
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>171,364,631</b>	<b>171,289,859</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	171,364,631	171,289,859
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>366,982,977,743</b>	<b>349,130,026,544</b>
1. Phải thu khách hàng	131		313,891,935,000	296,445,081,972
2. Trả trước cho người bán	132		72,010,675,971	71,763,397,130
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	62,916,563,515	62,757,744,185
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(81,836,196,743)	(81,836,196,743)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>625,177,700,191</b>	<b>608,693,520,842</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	679,337,170,575	662,852,991,226
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(54,159,470,384)	(54,159,470,384)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>229,037,114,455</b>	<b>230,277,634,955</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1,797,756,181	3,837,101,785
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2,123,025,032	1,431,446,743
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.05	9,960,000	9,960,000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		225,106,373,242	224,999,126,427
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>836,546,337,706</b>	<b>839,962,534,516</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>805,661,794,481</b>	<b>810,269,336,341</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	544,346,750,218	547,065,077,138
- Nguyên giá	222		728,321,533,753	728,933,369,429
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(183,974,783,535)	(181,868,292,291)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	3,761,469,740	3,770,673,905
- Nguyên giá	228		3,907,197,430	3,907,197,430
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(145,727,690)	(136,523,525)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	257,553,574,523	259,433,585,298
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>5,000,000</b>	<b>5,000,000</b>
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.09	5,000,000	5,000,000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>13,934,575,297</b>	<b>12,055,251,857</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	5,562,223,679	3,588,772,358
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		8,372,351,619	8,466,479,499
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		<b>16,944,967,928</b>	<b>17,632,946,318</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2,063,253,010,203</b>	<b>2,031,525,348,651</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2,112,825,784,579</b>	<b>2,043,236,573,317</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1,978,899,257,243</b>	<b>1,909,954,642,022</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	1,445,239,728,963	1,422,212,058,581
2. Phải trả người bán	312		24,164,560,278	25,056,832,991
3. Người mua trả tiền trước	313		24,469,717,865	25,044,351,857
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	14,126,703,561	14,434,027,085
5. Phải trả người lao động	315		4,101,744,244	4,566,358,914
6. Chi phí phải trả	316	V.13	395,341,658,440	338,977,618,273
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	68,351,348,927	76,559,599,355
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		3,103,794,966	3,103,794,966
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>133,926,527,337</b>	<b>133,281,931,295</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333		6,715,080,037	5,852,483,995
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.15	127,211,447,300	127,429,447,300
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(51,736,434,139)</b>	<b>(13,875,518,208)</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>(51,736,434,139)</b>	<b>(13,875,518,208)</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		577,499,950,000	577,499,950,000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		25,833,118,754	25,778,291,296
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2,684,051,671	2,684,051,671
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2,706,044,337	2,706,044,337
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(660,459,598,901)	(622,543,855,512)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>C- Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>	<b>439</b>		<b>2,163,659,762</b>	<b>2,164,293,542</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2,063,253,010,203</b>	<b>2,031,525,348,651</b>

Lập, ngày 10 tháng 05 năm 2013

Kế toán trưởng

**HÀ THỊ KIM THOA**

Tổng Giám đốc



**NGUYỄN VĂN AN**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Quý I năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.17	30,668,433,587	50,459,434,244
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		30,668,433,587	50,459,434,244
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.18	28,078,000,609	62,733,500,426
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2,590,432,978	(12,274,066,182)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.19	437,170,135	64,117,973
7. Chi phí tài chính	22	VI.20	36,852,899,641	42,905,881,720
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		36,838,040,532	42,789,844,822
8. Chi phí bán hàng	24		266,044,009	344,654,038
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3,966,834,302	38,564,218,801
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(38,058,174,839)	(94,024,702,768)
11. Thu nhập khác	31	VI.21	319,407,274	1,051,610,353
12. Chi phí khác	32	VI.22	89,825,708	805,825,095
13. Lợi nhuận khác	40		229,581,566	245,785,258
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(37,828,593,273)	(93,778,917,510)
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.23	0	0
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	VI.24	94,127,880	(128,275,462)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(37,922,721,153)	(93,650,642,048)
Lợi ích của cổ đông thiểu số			(633,780)	(4,985,721,453)
Lợi ích của cổ đông Công ty mẹ			(37,922,087,373)	(88,664,920,595)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.25	(657)	(1,535)

Lập, ngày 10 tháng 05 năm 2013

Kế toán trưởng



HÀ THỊ KIM THOA

Tổng Giám đốc



NGUYỄN VĂN AN

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý I năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm trước)
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>		(37,828,593,273)	(93,778,918,611)
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>		38,944,531,776	59,950,383,342
- Khấu hao tài sản cố định		2,106,491,244	10,134,748,204
- Các khoản dự phòng		0	7,025,790,316
- Chi phí Lãi vay		36,838,040,532	42,789,844,822
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>		1,115,938,503	(33,828,535,269)
- Tăng, giảm các khoản phải thu		(18,651,776,303)	40,230,943,674
- Tăng, giảm hàng tồn kho		(16,484,179,348)	45,840,716,295
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(9,584,499,286)	(39,204,960,170)
- Tăng, giảm chi phí trả trước		65,894,284	4,021,635,219
- Tiền lãi vay đã trả		(1,377,521,388)	(364,178,348)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		0	0
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		25,565,844,500	6,245,697,776
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(939,139,228)	(325,650,000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		(20,289,438,266)	22,615,669,177
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(9,540,000)	(1,079,264,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		150,000,000	745,454,546
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(3,142,637,960)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1,016,032,432	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		98,542,560	8,952,450
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		(1,887,602,968)	(324,857,004)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		38,333,800,000	17,947,250,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(14,109,585,223)	(41,430,744,269)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		24,224,214,777	(23,483,494,269)
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		2,047,173,543	(1,192,682,096)
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		3,290,341,934	8,649,498,232
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			(565,489,995)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>		5,337,515,477	6,891,326,141

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÁI HOÀ VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 352 đường Giải Phóng - Thanh Xuân - Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2013

Lập, ngày 10 tháng 5 năm 2013

**Kế toán trưởng**



**HÀ THỊ KIM THOA**

**Tổng Giám đốc**



**NGUYỄN VĂN AN**

30  
IG  
PH  
Đ  
V  
15

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013*

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Hoà Việt Nam chuyển đổi từ Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thái Hoà, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100367361 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/05/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 13/08/2012. Theo đó:

Trụ sở chính: Số 352 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

Vốn điều lệ: **550.000.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi tỷ đồng);**

Cơ cấu vốn điều lệ:

<b>STT</b>	<b>Cổ đông</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>Tỷ lệ</b>
1	Nguyễn Văn An	23.887.500	41,36%
2	Ngô Thị Hạnh	305.375	0,53%
3	Nguyễn Đăng Ninh	36.750	0,06%
4	Cổ đông khác	33.520.370	58,05%

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh:**

Thương mại, xây dựng, trồng trọt, dịch vụ và tư vấn.

#### **3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh:**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 06 ngày 13/08/2012, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Chế biến nông sản; Buôn bán hàng lương thực, thực phẩm;
- Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình; Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng; Kinh doanh nhà ở;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Vận tải hàng hoá bằng ô tô;
- Đầu tư, kinh doanh khu công nghiệp, trung tâm thương mại; Kinh doanh cho thuê kho tàng, nhà xưởng; Sản xuất, mua bán thiết bị viễn thông, thiết bị điện, điện tử, thiết bị văn phòng;
- Trồng cây cà phê, cây lâu năm, trồng rừng;
- Đào tạo, dạy nghề: trồng trọt, lâm sinh, chế biến nông, lâm, thủy hải sản, cơ khí nông nghiệp, lái xe, quản lý trang trại, ngoại ngữ, tin học văn phòng, sửa chữa ô tô, xe máy, may thêu;
- Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Du lịch lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ du lịch khác;
- Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);
- Tư vấn lập dự án đến nhóm B; Tư vấn lắp đặt các thiết bị cho các công trình xây dựng, tư vấn về đấu thầu;
- Kiểm định chất lượng công trình xây dựng giao thông; Thẩm định dự án đầu tư;
- Thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thẩm tra thiết kế thi công và tổng dự toán đối với các công trình dân dụng và công nghiệp; Xác định, đánh giá nguyên nhân sự cố công trình và các yếu tố khác liên quan để lập phương án gia cố sửa chữa;
- Nhận thầu thi công, xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình bưu điện, thông tin liên lạc, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp và khu dân cư, thi công san lấp mặt bằng, xử lý nền, móng công trình; Quản lý dự án;
- Dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị, máy xây dựng công trình;



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÁI HOÀ VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 352 đường Giải Phóng - Thanh Xuân - Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2013

- Chế biến lâm sản, mộc, gỗ; Trồng cây cao su; lập dự án đầu tư trong nông nghiệp, trồng trọt, chế biến nông, lâm sản;
- Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng phương tiện ô tô;
- Thiết kế hệ thống điện công trình, công nghiệp, thiết kế đường dây và trạm biến áp đến 35kv; Thiết kế cấp thoát nước; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp;
- Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm, chăn nuôi gia súc, gia cầm, đại gia súc;
- Sản xuất phân bón các loại, phân vi sinh, NPK, chế phẩm từ chất thải nông, công nghiệp;
- Kinh doanh nước sạch và dịch vụ xử lý môi trường; Bán buôn rượu bia (không bao gồm kinh doanh quán bar); Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật.

**4. Công ty con hợp nhất Báo cáo tài chính và tỷ lệ sở hữu**

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
1	Công ty CP Cà phê An Giang	KCN Tam Phước, đường 4, xã Tam Phước, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai	52,4%	52,4%
2	Công ty CP Cà Phê Thái Hòa Lâm Đồng	Thị trấn Đình Văn,, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	100%	51%
3	Công ty CP Cà Phê Thái Hòa Quảng Trị	Cụm Công Nghiệp, thị trấn Lao Bảo, huyện Hương Hoá, tỉnh Quảng Trị	100%	51%
4	Công ty TNHH MTV cao su Thái Hòa Lào	Bản DdongoNaSaSSan, huyện Noong, tỉnh SaVanNaKhet, Lào	100%	100%
5	Công ty TNHH MTV Thái Hòa Nghệ An	Xã Tây Hiếu, thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An	100%	100%
6	Công ty CP Cà Phê Thái Hòa Sơn La	Xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La	99,85%	51%
7	Công ty TNHH MTV Thái Ninh	Khóm 3B, thị trấn Khe Xanh, huyện Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị	100%	100%
8	Công ty CP Cà Phê Thái Hòa Hòa Bình	Xóm Xê 3, xã Ngọc Lâu, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình	100%	56,7%
9	Công ty Cổ phần Thái Hòa Hồ Chí Minh	Tầng 12, toà nhà Gilimex, số 24C Phan Đăng Lưu, phường 6, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	68%	65%
10	Công ty Cổ phần Thái Hoà Buôn Ma Thuột	Số 153 Nguyễn Chí Thanh, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh DakLak	100%	51%
11	Công ty TNHH MTV Cà phê Thái Hoà Lào	Bản Vật Luồng, huyện Paksong, tỉnh Chawmpasak, Lào	100%	100%

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (Ký hiệu là VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.****Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày

20/03/2006 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

***Thay đổi trong chính sách kế toán, cam kết tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán***

Ngày 06/01/2009 Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính (áp dụng từ năm tài chính 2011).

Theo hướng dẫn tại Thông tư này, Ban Giám đốc Công ty đã xem xét và đánh giá các ảnh hưởng của các quy định mới đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và quyết định chưa áp dụng các quy định này trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 với các lý do sau đây

- Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát sinh các công cụ tài chính phức tạp;
- Chưa có hướng dẫn chi tiết trong việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính cũng như việc ghi nhận trên báo cáo tài chính;
- Chưa có cơ sở để đánh giá và xác định mức độ rủi ro cụ thể đối với rủi ro thị trường của rủi ro tín dụng, rủi ro lãi suất và rủi ro thanh toán cũng như hướng dẫn phương thức ghi nhận trên báo cáo tài chính.

***Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán***

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

***Hình thức kế toán áp dụng***

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung

**IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

***Công ty con:***

Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các Báo cáo tài chính của Công ty con được hợp nhất trong các Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

***Lợi thế thương mại:***

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

***Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất:***

Các số dư nội bộ về công nợ phải thu, phải trả nội bộ; toàn bộ thu nhập, chi phí và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

## **2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:**

### **2.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền, công nợ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

### **2.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:**

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

## **3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

**Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

**Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

## **4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

**Nguyên tắc ghi nhận:** Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

**Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

## **5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**

**Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:** Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:** Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời

gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau::

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 10 năm
- Phương tiện vận tải	05 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
- Tài sản cố định vô hình	03 – 08 năm

## **6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

### **6.1. Nguyên tắc ghi nhận**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên liên doanh theo hợp đồng liên doanh.
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo , nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “trương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

### **6.2 Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn:**

Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự} \\ \text{phòng tổn} \\ \text{thất các} \\ \text{khoản đầu} \\ \text{tư tài chính} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Vốn góp thực tế} \\ \text{của các bên tại} \\ \text{tổ chức kinh tế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Vốn chủ} \\ \text{sở hữu thực} \\ \text{có} \end{array} \times \frac{\text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các} \\ \text{bên tại tổ chức kinh tế}}$$

## **7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan đến quá trình làm thủ tục vay.

**8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

**9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các khoản chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch. Hạch toán vào chi phí phải trả năm nay là lãi vay phải trả.

**10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là giá trị chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ đi các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước và điều chỉnh theo các quy định khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**11. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu.**

**12.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

**12.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ:** được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn

thành.

**112.3. Doanh thu hoạt động tài chính:** Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### **13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

**Chi phí tài chính:** Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:** là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

### **14. Nguyên tắc ghi nhận Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và các loại thuế khác.**

**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành:** Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Thuế thu nhập hoãn lại:** Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

#### **Thuế giá trị gia tăng**

Thuế GTGT được kê khai và hạch toán theo quy định hiện hành của Nhà nước.

#### **Các loại thuế khác**

Các loại thuế khác Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định hiện hành của Nhà nước.

### **15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất:** Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty mẹ kiểm soát. Việc kiểm soát này đạt được khi công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài

chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa công ty mẹ và các công ty con được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**Lợi ích của cổ đông thiểu số:** Lợi ích của cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của công ty, trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Hợp nhất kinh doanh:** Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Khoản lỗ phát sinh giữa giá mua và giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

**Lợi thế thương mại:** Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày nắm quyền kiểm soát. Lợi thế thương mại được coi là tài sản cố định vô hình và tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian ước tính là 10 năm.

**Các bên liên quan:** Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÁI HOÀ VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 352 đường Giải Phóng - Thanh Xuân - Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2013**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
<b>01. Tiền</b>		
- Tiền mặt	1,820,482,200	1,585,993,714
- Tiền gửi ngân hàng (VND)	3,517,033,276	1,704,348,220
<b>Cộng</b>	<b>5,337,515,476</b>	<b>3,290,341,934</b>
<b>02. Đầu tư ngắn hạn</b>		
- Tiền gửi có kỳ hạn	0	0
- Đầu tư ngắn hạn khác	171,364,631	171,289,859
<b>Cộng</b>	<b>171,364,631</b>	<b>171,289,859</b>
<b>03. Các khoản phải thu khác</b>		
- BHXH, BHYT, BHTN nộp thừa	34,652,511	34,652,511
- Phải thu Công ty CP Xây dựng	0	0
- Phải thu khác của cán bộ nhân viên	135,000,024	108,755,400
- Tạm ứng tiền xây dựng Nhà máy cà phê hoà tan	13,592,462,887	13,592,462,887
- Phải thu khác	49,154,448,093	49,021,873,387
<b>Cộng</b>	<b>62,916,563,515</b>	<b>62,757,744,185</b>
<b>04. Hàng tồn kho</b>		
- Nguyên liệu, vật liệu	17,394,675,005	9,857,245,000
- Công cụ, dụng cụ	1,094,370,092	1,094,370,092
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	71,354,853,288	71,354,853,288
- Thành phẩm	274,489,454,259	279,857,969,916
- Hàng hoá	257,502,860,993	243,187,595,993
- Hàng gửi đi bán	57,500,956,937	57,500,956,937
<b>Cộng</b>	<b>679,337,170,574</b>	<b>662,852,991,226</b>
<b>05. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>		
- Thuế TNDN nộp thừa	9,960,000	9,960,000
<b>Cộng</b>	<b>9,960,000</b>	<b>9,960,000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÁI HOÀ VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 352 đường Giải Phóng - Thanh Xuân - Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2013**06. Tình hình tăng, giảm TSCĐ hữu hình**

Khoản mục	<i>Đơn vị tính: VND</i>					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Cây lâu năm	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b><i>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</i></b>						
Số dư đầu kỳ	269,291,908,513	275,291,741,486	33,186,046,071	100,837,525,739	50,326,147,620	728,933,369,429
- Mua trong năm						0
- Đầu tư XD/CB hoàn thành						0
- Tăng khác						0
- Thanh lý, nhượng bán			(611,835,676)			(611,835,676)
- Giảm khác						0
Số dư cuối kỳ	269,291,908,513	275,291,741,486	32,574,210,395	100,837,525,739	50,326,147,620	728,321,533,753
<b><i>II. Giá trị hao mòn lũy kế</i></b>						
Số dư đầu kỳ	49,469,464,587	113,271,053,200	15,967,295,700	2,098,714,646	1,061,764,158	181,868,292,291
- Khấu hao trong kỳ	1,203,897,481	1,013,923,996	240,497,499		192,504,964	2,650,823,940
- Thanh lý, nhượng bán			(544,332,696)			(544,332,696)
Số dư cuối năm	50,673,362,068	114,284,977,196	15,663,460,503	2,098,714,646	1,254,269,122	183,974,783,535
<b><i>III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH</i></b>						
- Tại ngày đầu năm	219,822,443,926	162,020,688,286	17,218,750,371	98,738,811,093	49,264,383,462	547,065,077,138
- Tại ngày cuối năm	218,618,546,445	161,006,764,290	16,910,749,892	98,738,811,093	49,071,878,498	544,346,750,218

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÁI HOÀ VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 352 đường Giải Phóng - Thanh Xuân - Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2013**07. Tình hình tăng, giảm TSCĐ vô hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Trang web	Biểu tượng công ty	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>					
Số dư đầu năm	3,672,056,760	11,077,260	84,081,000	139,982,410	3,907,197,430
- Giảm khác	0	0	0		0
Số dư cuối năm	3,672,056,760	11,077,260	84,081,000	139,982,410	3,907,197,430
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	18,408,330	11,077,260	65,749,919	41,288,016	136,523,525
- Khấu hao trong năm	0	0	1,500,000	7,704,165	9,204,165
Số dư cuối năm	18,408,330	11,077,260	67,249,919	48,992,181	145,727,690
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>					
- Tại ngày đầu năm	3,653,648,430	0	18,331,081	98,694,394	3,770,673,905
- Tại ngày cuối năm	3,653,648,430	0	16,831,081	90,990,229	3,761,469,740

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÁI HOÀ VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 352 đường Giải Phóng - Thanh Xuân - Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2013

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
<b>08. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>		
- Đầu tư tại Thái Hòa Quảng Trị (DA Hướng Tân)	15,554,240,713	15,554,240,713
- DA nhà máy hòa tan và phân vi sinh Lâm Đồng	5,085,598,726	5,085,598,726
- DA tại Sơn La	38,876,064,601	38,876,064,601
- Dự án ở Buôn Ma Thuột	43,622,200,498	43,622,200,498
- DA nhà máy chế biến và trồng cà phê tại Lào	3,255,426,555	3,255,426,555
- Đầu tư trồng chăm sóc cà phê Hòa Bình	1,319,794,702	4,455,735,746
- DA phân vi sinh Nghệ An	1,422,507,836	1,422,507,836
- Trồng Cao su bên Lào	143,712,494,771	143,712,494,771
- Các công trình khác	4,705,246,120	3,449,315,851
<b>Cộng</b>	<b>257,553,574,523</b>	<b>259,433,585,298</b>
<b>09. Đầu tư dài hạn khác</b>		
- Trái phiếu chính phủ	5,000,000	5,000,000
<b>Cộng</b>	<b>5,000,000</b>	<b>5,000,000</b>
<b>10. Chi phí trả trước dài hạn</b>		
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	521,134,606	264,733,403
- Các chi phí khác	5,041,089,072	3,324,038,956
<b>Cộng</b>	<b>5,562,223,678</b>	<b>3,588,772,359</b>
<b>11. Vay và nợ ngắn hạn</b>		
- Vay ngắn hạn	1,328,484,328,963	1,305,456,658,581
- Nợ dài hạn đến hạn trả	16,755,400,000	16,755,400,000
- Trái phiếu chuyển đổi	100,000,000,000	100,000,000,000
<b>Cộng</b>	<b>1,445,239,728,963</b>	<b>1,422,212,058,581</b>
<b>12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>		
- Thuế giá trị gia tăng	8,597,134,233	8,904,457,757
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	5,493,158,836	5,493,158,836
- Thuế thu nhập cá nhân	36,410,492	36,410,492
<b>Cộng</b>	<b>14,126,703,561</b>	<b>14,434,027,085</b>
<b>13. Chi phí phải trả</b>		
- Lãi vay phải trả	395,341,658,440	338,977,618,273
<b>Cộng</b>	<b>395,341,658,440</b>	<b>338,977,618,273</b>
<b>14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>		
- BHXH, BHYT, BHTN	1,712,160,126	1,587,595,000
- Phải trả bà Ngõ Thi Hạnh	45,245,620,000	45,245,620,000
- Phải trả khác	21,393,568,801	29,726,384,355
<b>Cộng</b>	<b>68,351,348,927</b>	<b>76,559,599,355</b>
<b>15. Vay và nợ dài hạn</b>		
- Vay ngân hàng	110,705,447,300	110,923,447,300
- Vay cá nhân	16,506,000,000	16,506,000,000
<b>Cộng</b>	<b>127,211,447,300</b>	<b>127,429,447,300</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÁI HOÀ VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 352 đường Giải Phóng - Thanh Xuân - Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2013

**16. Vốn chủ sở hữu**

**Bảng đối chiếu vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>577,499,950,000</b>	<b>13,366,010,056</b>	<b>2,683,829,163</b>	<b>2,706,376,808</b>	<b>(218,179,589,778)</b>	<b>378,076,576,249</b>
- Tăng vốn trong năm trước		0	0	0	0	0
- Lãi trong năm trước	0	0	0	0	0	0
- Tăng khác	0	12,412,281,240	222,508		0	12,412,503,748
- Giảm vốn trong năm trước	0	0	0		0	0
- Lỗ trong năm trước	0	0	0	0	(392,874,034,089)	(392,874,034,089)
- Giảm khác	0			(332,471)	(11,490,231,645)	(11,490,564,116)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>577,499,950,000</b>	<b>25,778,291,296</b>	<b>2,684,051,671</b>	<b>2,706,044,337</b>	<b>(622,543,855,512)</b>	<b>(13,875,518,208)</b>
- Tăng vốn trong năm nay	0	0	0	0	0	0
- Lãi trong năm nay	0	0	0	0	0	0
- Tăng khác	0	54,827,458	0	0	0	54,827,458
- Giảm vốn trong năm nay	0	0	0	0	0	0
- Lỗ trong năm nay	0	0	0	0	(37,922,087,373)	(37,922,087,373)
- Giảm khác	0	0	0	0	6,343,984	6,343,984
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>577,499,950,000</b>	<b>25,833,118,754</b>	<b>2,684,051,671</b>	<b>2,706,044,337</b>	<b>(660,459,598,901)</b>	<b>(51,736,434,139)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÁI HOÀ VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 352 đường Giải Phóng - Thanh Xuân - Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2013**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Quý I năm nay</i>	<i>Quý I năm trước</i>
<b>17. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	30,668,433,587	50,459,434,244
<b>Cộng</b>	<b>30,668,433,587</b>	<b>50,459,434,244</b>
<b>18. Giá vốn hàng bán</b>		
- Giá vốn của hàng hoá đã bán, dịch vụ đã cung cấp	28,078,000,609	62,733,500,426
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
<b>Cộng</b>	<b>28,078,000,609</b>	<b>62,733,500,426</b>
<b>19. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
- Lãi tiền gửi	437,170,135	64,117,973
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	0	0
- Lãi chuyển nhượng vốn góp	0	0
- Các khoản khác		
<b>Cộng</b>	<b>437,170,135</b>	<b>64,117,973</b>
<b>20. Chi phí tài chính</b>		
- Chi phí lãi vay	36,838,040,532	42,789,844,822
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	0	0
- Các khoản khác	14,859,110	116,036,898
<b>Cộng</b>	<b>36,852,899,641</b>	<b>42,905,881,720</b>
<b>21. Thu nhập khác</b>		
- Thu từ thanh lý tài sản cố định		
- Thu cho thuê kho	319,407,274	245,356,600
- Các khoản khác		806,253,753
<b>Cộng</b>	<b>319,407,274</b>	<b>1,051,610,353</b>
<b>22. Chi phí khác</b>		
- Chi phí thanh lý TSCĐ		
- Các khoản khác	89,825,708	805,825,095
<b>Cộng</b>	<b>89,825,708</b>	<b>805,825,095</b>
<b>23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(37,828,593,273)	17,010,743,867
- Chi phí bị loại trừ	0	0
- Thu nhập không chịu thuế	0	0
- Thu nhập chịu thuế	(37,828,593,273)	17,010,743,867
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	0	0

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được cộng từ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của công ty mẹ và các công ty con trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và các công ty con. Theo đó, thu nhập chịu thuế trên các Báo cáo tài chính riêng này không được bù trừ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho các công ty là khác nhau

<b>24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<i>Quý I năm nay</i>	<i>Quý I năm trước</i>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	94,127,880	(128,275,462)
<b>Cộng</b>	<b>94,127,880</b>	<b>(128,275,462)</b>
<b>25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<i>Quý I năm nay</i>	<i>Quý I năm trước</i>
- Lợi nhuận sau thuế	(37,922,087,373)	(88,664,920,595)
- Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	57,749,995	57,749,995
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(657)	(1,535)

**VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long - T.D.K tế kiểm toán.

Lập, ngày 10 tháng 10 năm 2013

Kế toán trưởng


**HÀ THỊ KIM THOA**

Tổng Giám đốc

**NGUYỄN VĂN AN**